

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp quy mô 22.000 con heo thịt/lúa
tại xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH
Chăn nuôi Nhất Huy làm chủ đầu tư**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy
định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá
tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng
trang trại chăn nuôi heo công nghiệp quy mô 22.000 con heo thịt/lúa tại xã Lộc
Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Huy
làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 47/CV-NH ngày
26/7/2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
545/TTr-STNMT ngày 30/7/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp quy mô 22.000 con heo thịt/lúa

(sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Huy (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Chủ tịch UBND xã Lộc Thạnh, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Huy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-59-QĐPD-02/8).



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO CÔNG NGHIỆP QUY MÔ
22.000 CON HEO THỊT/LÚA TẠI XÃ LỘC THẠNH, HUYỆN LỘC NINH,
TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI
NHẤT HUY LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2009../QĐ-UBND ngày ..04../..8../2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp quy mô 22.000 con heo thịt/lúa tại xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Huy làm chủ đầu tư.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Huy.

Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Huy được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3801247332 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/3/2021.

Trụ sở chính: Khoảnh 10, Tiểu khu 88, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Ngọc Dung, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Khoảnh 10, Tiểu khu 88, Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh thuộc xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Khu đất thuộc Ban Quản lý Rừng phòng hộ Lộc Ninh giao khoán đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân gồm: ông Trần Thanh Bình, ông Nguyễn Thành Trung, ông Lê Minh Hải, bà Bùi Thị Phương theo các Hợp đồng giao khoán: số 95/HĐ-GK ngày 21/12/2020, số 35/HĐ-GK ngày 16/9/2019, số 36/HĐ-GK ngày 16/9/2019, số 37/HĐ-GK ngày 16/9/2019. Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước chấp thuận bổ sung trong Danh mục các Dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, Danh mục các Dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 15,2 ha với quy mô 22.000 con heo thịt/lúa.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:* Bụi, khí thải từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì và vận chuyển gỗ; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công; bụi, khí thải từ quá trình hàn, chà nhám và sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại; bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi từ khu chăn nuôi, nhà để phân, hầm ủ xác và quá trình xử lý nước thải; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình phụ trợ khác; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD_5 , SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải từ quá trình chăn nuôi:* Lưu lượng phát sinh khoảng $330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, SS, COD, BOD_5 , tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng người và xe:* Lưu lượng phát sinh khoảng $0,875 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; tính chất nước thải có độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng $04 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu là BOD_5 , SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi, khí thải từ quá trình cưa xẻ và vận chuyển cây:* Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x , CO, HC. Lượng bụi phát sinh khoảng $0,12 \text{ g/s}$.

- *Bụi từ quá trình thi công san nền, đào móng:* Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền khoảng $2,329 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công:* Thành phần

chủ yếu là bụi, NO_x , CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình hàn, chà nhám, sơn tường*: Thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO_x , hơi dung môi (xylen, toluene, benzene...).

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x , CO, HC.

- *Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2 , NO_x , CO...

- *Bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng $1,73 \text{ mg/m}^3$.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Lượng khí CH_4 sinh ra từ hầm biogas khoảng $577,606 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chính của khí biogas là CH_4 (58% đến 60%) và CO_2 (>30%) còn lại là các chất khác như hơi nước, O_2 , H_2S , CO.

- *Mùi từ quá trình xử lý nước thải, nhà để phân, hầm ủ xác và khu chăn nuôi*: Thường chứa các thành phần như NH_3 , H_2S , mercaptan và các amin hữu cơ, andehyde hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh khoảng 463,21 tấn trong suốt quá trình xây dựng (khoảng 11 tháng), chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là rác thực phẩm, giấy, xương, nylon, vỏ đồ hộp...

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 31.460 kg/ngày; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng như N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh*: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 80 kg/ngày. Thành phần chủ yếu của xác heo chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 696,96 kg/năm.

- *Bùn thải*: Khối lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 943 kg/ngày; thành phần chủ yếu là nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

- *Tắm làm mát thải bỏ*: Khối lượng tắm làm mát thải bỏ khoảng 648 kg/năm (khoảng 1,78 kg/ngày).

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/ngày, thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, xương, nylon, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 35 kg/tháng bao gồm dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải; que hàn thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 165 kg/tháng bao gồm giẻ lau, bao tay dính hóa chất dầu mỡ; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y); bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu nhớt thải, chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại); pin, ắc quy chì thải; hộp mực in thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng tạm với thể tích khoảng 09 m³. Bụi, đất, cát... có trong nước thải được lắng xuống, phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Chủ Dự án xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 03 m³/bể) để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Bể tự hoại này được sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải xây dựng được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho việc trộn bê tông, tưới đường. Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân và nước thải từ quá trình tắm, giặt. Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng 04 hầm tự hoại 03 ngăn với thể tích 03 m³/hầm. Nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa tay chân được dẫn về hồ sinh học 2 để xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước sát trùng người và xe:* Được thu gom về hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 410 m³/ngày.đêm có quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Hàm biogas; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải từ quá trình tắm, giặt rửa tay, rửa chân → Hồ sinh học 2; Nước thải chăn nuôi → Hồ CT → Hàm biogas → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được tái sử dụng vệ sinh chuồng trại và tưới cây.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án:

Công trình	Kích thước (m) (dài × rộng × sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hồ CT	Đường kính 06 m, sâu 04 m	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hàm biogas	80 × 45 × 5,5	01	Hồ đất, lót và phủ bạt HDPE
Hồ sinh học 1	50 × 35 × 05	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ sinh học 2	50 × 35 × 05	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Bể anoxic	3,6 × 3,6 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể aerotank	7,4 × 2,6 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể lắng sinh học	3,6 × 3,6 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể keo tụ	1,2 × 01 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể tạo bông	1,2 × 01 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể lắng hoá lý	2,2 × 2,2 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể khử trùng	2,2 × 1,2 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể chứa bùn	2,2 × 1,2 × 06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hồ chứa nước thải sau xử lý	65 × 40 × 04	02	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ chứa nước ngầm	10 × 15 × 03	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ chứa nước tái sử dụng	10 × 15 × 03	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng để tưới cây.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình cưa xẻ và vận*

chuyển cây: Xe chuyên chở gỗ và sinh khối phải được che phủ kín; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công*: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động hàn, chà nhám, sơn tường*: Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải*: Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải; điều phối xe hợp lý tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Chủ Dự án lắp đặt ống khói cao 5,5 m, đường kính ống khói 150 mm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn*: Trang bị khẩu trang y tế, các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp nhập cám và cho heo ăn để hạn chế bụi phát sinh; trồng cây xanh xung quanh khu vực; thường xuyên dọn dẹp vệ sinh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí gas thoát ra từ hầm biogas*: Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu nấu ăn cho trang trại; trường hợp còn dư thừa, Chủ Dự án đốt bỏ. Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khí dư kín chuyên dụng, thiết bị có trang bị đồng hồ áp tự động, có hệ thống chống cháy ngược và hệ thống van an toàn.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu*

vực nhà để phân, khu vực hầm hủy xác và khu chăn nuôi:

Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng; bố trí quạt hút hoạt động liên tục; trồng cây xanh cách ly; luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy nuôi ít nhất 01 lần/ngày khi không có dịch bệnh và ít nhất 02 lần/ngày khi có dịch bệnh...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên trang trại, sử dụng chế phẩm sinh học EM phun vào những vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất 02 lần/ngày...

Khu vực nhà để phân: Dùng chế phẩm sinh học EM phun lên bề mặt phân heo với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hầm hủy xác: Bố trí xây dựng hầm hủy xác nằm trong khu vực biệt lập; trồng cây xanh xung quanh hầm hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí; rải vôi bên trong và trên bề mặt hầm hủy xác...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải rắn không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa có dung tích 120 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Phân heo và nước thải theo hệ thống mương thu gom về hố CT, sau đó được bơm về máy ép phân để ép đến độ ẩm nhất định, nước thải từ máy ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, phân sau khi ép được đóng bao kín, khử trùng bằng vôi bột và lưu giữ tại nhà chứa phân diện tích 105 m² trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh (do ngộp, còi cọc, bệnh thông thường)*: Heo chết không do dịch bệnh (do ngộp, còi cọc) được nấu chín rồi qua máy nghiền và cho cá ăn, trường hợp cá ăn không hết được cho vào hầm hủy xác để xử lý. Chủ Dự án đầu tư 01 máy nghiền xác heo với công suất dự kiến 100 – 200 kg/giờ đặt tại nhà chứa với diện tích 35 m² và bố trí khu vực nấu xác heo có diện tích 35 m²; thường xuyên dọn vệ sinh và phun chế phẩm tiêu độc khử trùng 02 lần/ngày, đảm bảo không gây dịch bệnh, không ảnh hưởng môi trường. Cá được nuôi trong hồ có diện tích 3.000 m² (hồ đất và lót bạt HDPE chống thấm).

Lượng heo chết không do dịch bệnh sau khi cho cá ăn còn dư được xử lý bằng hầm hủy xác. Bố trí 01 hầm hủy xác (02 ngăn) có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín, kích thước dài x rộng x sâu = 08 m x 04 m x 04 m; bề mặt và xung quanh hầm hủy thường xuyên được rắc vôi bột đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi Chủ Dự án nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn theo quy định.

- *Bùn từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn kích thước dài x rộng x sâu = 2,2 m x 1,2 m x 03 m, kết cấu: bê tông cốt thép, quét vật liệu chống thấm. Chủ Dự án phải lấy mẫu bùn thải để phân tích, trường hợp mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Dự án theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt Quy chuẩn, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trang trại; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Thu gom và lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 20 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, tô 02 mặt, quét vôi, mái lợp tôn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo quy định tại

điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít, bằng nhựa HDPE, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 15 m², kết cấu: bê tông cốt thép, tường xây, tô 02 mặt, mái lợp tôn, có gờ chắn và hố thu gom phòng ngừa tràn đổ chất thải nguy hại dạng lỏng (nhà chứa chất thải nguy hại này sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và hoạt động). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít, bằng nhựa HDPE, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 15 m² có mái che, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây, tô 02 mặt, sơn nước, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, ít gây tiếng ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực thi công, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ; trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng; định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 – Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại hồ CT và 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa

nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực chuồng trại, 01 điểm tại khu vực bể máy ép phân và 01 điểm tại hầm hủy xác

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, CH₄, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.3.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại hồ CT và 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3.3. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại giếng khoan trong trang trại.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe, nitrit, nitrat, Cl⁻, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.4. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực sử dụng nước thải sau xử lý và 01 vị trí tại khu vực hợp đồng tưới tiêu.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

5.3.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án phải đảm bảo đủ điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6.4. Dự án chỉ đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện

hệ thống xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

6.5. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

6.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 50/CV-UBND ngày 01/4/2021 của UBND xã Lộc Thạnh về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án “Xây dựng Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 22.000 con heo thịt/lúa” và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 01/4/2021 tại xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.